

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG**
Số: 09/2018/CBTT-TTCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: CÔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Mã chứng khoán: VNG

Địa chỉ trụ sở chính: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: 08.38634999

Fax: 08.38634888

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thế Vinh

Địa chỉ: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: Di động: 0906909966; Cơ quan: 08.38634999

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /.

Trân trọng!

Người công bố thông tin



Nguyễn Thế Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo Công ty	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 38
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ Phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch	(Bỏ nhiệm Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/05/2017)
Bà: Tsan Quay Liang	Chủ tịch	(Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, Bỏ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 22/05/2017, Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 04/07/2017)
Bà: Nguyễn Thị Hương Giang	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 10/02/2017)
Bà: Nguyễn Thái Hà	Phó Chủ tịch	
Ông: Trần Mến	Thành viên	
Bà: Phan Thị Hồng Vân	Thành viên	
Ông: Nguyễn Cường Dũng	Thành viên	

Các thành viên của Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Phan Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc	
Ông: Lê Thanh Huỳnh Cang	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 10/08/2017)
Ông: Phan Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 28/03/2017)
Bà: Hồ Nguyễn Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/04/2017)
Bà: Nguyễn Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 10/02/2017)
Bà: Nguyễn Thị Huệ Trinh	Giám đốc Tài chính	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Hoàng Mạnh Tiến	Trưởng ban	
Ông: Hoàng Ngọc Hiệu	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 19/07/2017)
Bà: Nguyễn Trần Hằng Phương	Thành viên	
Ông: Nguyễn Công Khanh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 04/07/2017)
Bà: Phạm Thị Thanh Mai	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 04/07/2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty



Phan Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được lập ngày 27 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Ngọc Lâm

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1427-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		99.111.839.259	101.423.700.641
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	7.973.596.798	5.718.660.357
111	1. Tiền		7.973.596.798	5.718.660.357
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	12.914.783.972	50.626.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		13.923.704.222	50.626.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.008.920.250)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		75.413.274.664	40.156.891.496
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	56.505.699.111	5.490.741.868
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.680.124.075	5.209.751.347
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	16.277.171.413	29.507.821.788
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(68.479.428)	(70.183.000)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		18.759.493	18.759.493
140	IV. Hàng tồn kho	09	981.123.750	1.041.694.042
141	1. Hàng tồn kho		981.123.750	1.041.694.042
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.829.060.075	3.880.454.746
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.177.285.675	522.938.226
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		627.769.043	3.357.516.520
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	24.005.357	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		888.308.874.547	230.706.846.903
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		35.000.000	4.312.576.800
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	35.000.000	4.312.576.800
220	II. Tài sản cố định		142.737.450.270	134.357.182.270
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	110.433.845.936	100.853.184.847
222	- Nguyên giá		159.381.185.397	143.383.435.662
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.947.339.461)	(42.530.250.815)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	32.303.604.334	33.503.997.423
228	- Nguyên giá		39.533.433.085	39.533.433.085
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.229.828.751)	(6.029.435.662)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	739.921.410.547	88.125.885.696
251	1. Đầu tư vào công ty con		716.717.455.932	65.492.742.262
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24.772.623.054	24.772.623.054
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.568.668.439)	(2.139.479.620)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.615.013.730	3.911.202.137
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.615.013.730	3.911.202.137
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		987.420.713.806	332.130.547.544

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		214.179.438.176	187.080.565.722
310	I. Nợ ngắn hạn		127.045.087.573	133.431.944.309
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	50.581.907.413	13.336.323.209
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	2.280.033.904	28.115.119.113
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.036.632.249	2.824.429.870
314	4. Phải trả người lao động		3.853.435.497	2.114.840
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.371.069.905	119.242.931
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.496.286.786	384.063.638
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	31.125.129.619	40.986.852.398
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	30.300.592.200	47.663.798.310
330	II. Nợ dài hạn		87.134.350.603	53.648.621.413
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	917.770.000	917.770.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	86.216.580.603	52.730.851.413
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		773.241.275.630	145.049.981.822
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	773.241.275.630	145.049.981.822
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		752.050.000.000	130.000.000.000
411a	<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>		752.050.000.000	130.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		748.636.364	910.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.719.655.738	6.719.655.738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.722.983.528	7.420.326.084
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		7.420.326.084	(184.899.106)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		6.302.657.444	7.605.225.190
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		987.420.713.806	332.130.547.544

Người lập biểu



Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng



Bùi Tấn Khải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018.

Tổng Giám đốc



Phan Thị Hồng Vân



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.776.111.557	10.172.339.447
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(2.267.218.339)	(10.154.229.041)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.691.259.653	5.618.819.186
03	- Các khoản dự phòng		436.405.497	(2.549.901.969)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		18.098.041	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(21.174.364.178)	(20.866.328.216)
06	- Chi phí lãi vay		10.761.382.648	7.643.181.958
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.508.893.218	18.110.406
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(42.363.540.676)	7.363.903.657
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		60.570.292	(184.664.027)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.033.574.404	35.675.034.865
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.358.159.042)	(2.878.612.046)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		36.702.295.778	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.870.460.084)	(7.911.159.246)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.421.601.707)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(161.363.636)	(264.117.371)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.869.791.453)	31.818.496.238
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.265.829.494)	(37.725.353.936)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		502.320.145	286.363.636
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(651.224.713.670)	(6.384.798.772)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.151.008.744	20.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.807.517.130	822.901.005
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(632.029.697.145)	(22.500.888.067)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		622.050.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		190.802.490.530	90.662.656.039
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(174.679.967.450)	(97.048.759.758)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		638.172.523.080	(6.386.103.719)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.273.034.482	2.931.504.452

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.718.660.357	2.787.155.905
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.098.041)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>7.973.596.798</u>	<u>5.718.660.357</u>

Người lập biểu

Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng

Bùi Tấn Khải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018.

Tổng Giám đốc



Phan Thị Hồng Vân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 752.050.000.000 đồng; Tương đương 75.205.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô;
- Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở);
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ và Khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Tư vấn đầu tư;
- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn golf Cần Thơ);
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường; Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Thực hiện Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐQT ngày 20/07/2016, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nguồn vốn bổ sung đã được sử dụng để Công ty đầu tư vào các Công ty có tiềm năng phát triển cùng ngành du lịch để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng quy mô và mở rộng thương hiệu của TTC Tourist trên thị trường du lịch.
- Công ty triển khai tổ chức kinh doanh theo mô hình bán hàng tập trung (Sales Center). Theo đó, Công ty con như Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi, Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình... thực hiện xuất hóa đơn bán hàng qua Công ty mẹ để tập trung phát triển thương hiệu du lịch TTC Tourist. Việc triển khai theo mô hình này đã làm doanh thu, giá vốn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác về thu hộ, chi hộ, các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước của Công ty tăng đột biến trong năm 2017.
- Trong năm, Công ty đã hoàn thành mua và chuyển nhượng lại cổ phần của các doanh nghiệp thuộc sở hữu của các Công ty con để thực hiện tái cấu trúc mô hình hoạt động. Lợi nhuận từ hoạt động mua và chuyển nhượng lại cổ phần nêu trên ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 là: 7.296.375.000 VND. Bên cạnh đó, Công ty còn kinh doanh các loại chứng khoán khác, lợi nhuận đạt được từ các khoản kinh doanh này là 3.658.453.744 VND.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 28 tỷ đồng. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá về luồng tiền tăng trưởng trong thời gian tới cũng như khả năng gia hạn nợ với các bên liên quan và tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục là phù hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Cần Thơ	Số 02, đường Hai Bà Trưng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Lâm Đồng	Số 04 Nguyễn Thị Minh Khai, P.1, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Quảng Nam	87 đường Cửa Đại, TP.Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch thành Thành Công tại Bình Thuận – Trung tâm lữ hành	Bình Thuận	Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch thành Thành Công tại Bến Tre – Trung tâm lữ hành	Bến Tre	Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch thành Thành Công tại Tiền Giang – Trung tâm lữ hành	Tiền Giang	Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch thành Thành Công – Trung tâm lữ hành	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh lữ hành

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị 03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải 08 năm

- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác. Được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê phòng nghỉ, khách sạn.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.19. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	495.576.740	114.632.919
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.443.416.249	5.347.520.335
Tiền đang chuyển	34.603.809	256.507.103
	7.973.596.798	5.718.660.357

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	13.923.704.222	(1.008.920.250)	50.626.000.000	-
- Công ty Cổ phần Golf 1	-	-	50.626.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa [*]	13.923.704.222	(1.008.920.250)	-	-
	13.923.704.222	(1.008.920.250)	50.626.000.000	-

[*] Trong năm, Công ty đã mua 608.700 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (Mã cổ phiếu BHS), tương ứng giá trị 13,9 tỷ đồng với mục đích làm chứng khoán kinh doanh. Đến thời điểm tháng 9/2017, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đã hoàn thành sáp nhập với Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (Mã cổ phiếu SBT) theo tỷ lệ hoán đổi 1:1,02. Theo đó, 608.700 cổ phiếu BHS đã được hoán đổi thành 620.874 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty. Đến thời điểm tháng 11/2017, Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh đã hoàn thành thủ tục đổi tên thành Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh căn cứ theo giá cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2017. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31/12/2017 là: 12.914.783.972 VND.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	716.717.455.932	-	65.492.742.262	-
- Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	13.081.152.262	-	13.081.152.262	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre (*)	77.168.581.670	-	52.411.590.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (*)	268.800.283.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi (*)	280.247.484.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình (*)	77.419.955.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	24.772.623.054	(1.568.668.439)	24.772.623.054	(2.139.479.620)
- Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor	24.772.623.054	(1.568.668.439)	24.772.623.054	(2.139.479.620)
	741.490.078.986	(1.568.668.439)	90.265.365.316	(2.139.479.620)

(*) Thực hiện Nghị quyết số 13/2017/NQ - HĐQT về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phiếu các Công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực, Công ty đã hoàn tất việc mua cổ phiếu của các công ty này và nắm giữ quyền kiểm soát từ tháng 4/2017. Cụ thể:

- 1.545.569 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre được mua thêm với giá 20.756.991.670 VND, giá trị theo mệnh giá: 15.455.690.000 VND. Đến thời điểm đầu quý 3/2017, Công ty tiếp tục mua thêm 400.000 cổ phiếu với tổng số tiền đầu tư thêm là 4.000.000.000 VND. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã sở hữu 4.441.359/5.259.348 cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre, tương đương tổng giá trị đầu tư là: 77.168.581.670 đồng.
- 20.765.242 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng được mua với giá 238.800.283.000 VND, giá trị theo mệnh giá: 207.652.420.000 VND. Đến ngày 31/07/2017, Công ty tiếp tục được chia cổ tức bằng cổ phiếu, số lượng tăng thêm là 1.038.262 cổ phiếu. Đến thời điểm 01/09/2017, Công ty tiếp tục mua thêm 3.000.000 cổ phiếu với tổng số tiền đầu tư thêm là 30.000.000.000 VND. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã sở hữu 24.803.504/34.443.466 cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, tương đương tổng giá trị đầu tư là: 268.800.283.000 đồng.
- 23.353.957 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi được mua với giá 280.247.484.000 VND, giá trị theo mệnh giá: 233.539.570.000 VND;
- 6.732.710 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình được mua thêm với giá 77.419.955.000 VND, giá trị theo mệnh giá: 67.327.100.000 VND;

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	100,00%	100,00%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	84,45%	84,45%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	72,01%	72,01%	Dịch vụ Khách sạn

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	TP Hồ Chí Minh	74,80%	74,80%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	TP. Nha Trang	82,32%	82,32%	Dịch vụ Khách sạn

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor	Vương quốc Campuchia	49,00%	49,00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ Phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	58.124.642	304.972.603
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1.408.483.216	306.805.466
- Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	24.291.649.017	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	8.311.415.107	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	4.043.301.000	-
- Công ty TNHH Thương Mại Và Du Lịch Anex Việt Nam	2.878.347.750	-
- Công ty TNHH MTV Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải (Vietravel)	26.437.000	341.290.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	15.487.941.379	4.537.673.799
	56.505.699.111	5.490.741.868

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	-	-	1.988.344.626	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng Công ty Hàng Không VN Airlines - CTCP	1.107.754.789	-	761.574.000	-
- Công ty TNHH PNR	294.255.635	-	655.076.100	-
- Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet	108.238.260	-	198.577.800	-
- Các khoản trả trước người bán khác	1.169.875.391	-	1.606.178.821	-
	2.680.124.075	-	5.209.751.347	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu Công ty CP TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (*)	5.354.592.230	-	5.354.592.230	-
- Ký cược, ký quỹ	1.520.060.546	-	-	-
- Phải thu người lao động tiền tạm ứng	1.069.529.581	-	285.576.243	(70.183.000)
- Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH Chè Ngọc Bảo	-	-	18.196.180.000	-
- Phải thu Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi tiền hợp tác kinh doanh	-	-	3.223.596.551	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	4.104.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	4.228.989.056	-	2.447.876.764	-
	16.277.171.413	-	29.507.821.788	(70.183.000)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	35.000.000	-	4.312.576.800	-
	35.000.000	-	4.312.576.800	-

(*) Khoản phải thu về số tiền đã ứng cho Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor để nhằm duy trì hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và năm 2014.

8. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	68.479.428	-	70.183.000	-
	68.479.428	-	70.183.000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	745.520.880	-	183.627.231	-
- Công cụ, dụng cụ	146.892.608	-	858.066.811	-
- Hàng hóa	88.710.262	-	-	-
	981.123.750	-	1.041.694.042	-

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	126.771.274.057	7.727.561.264	6.163.980.517	2.016.690.364	703.929.460	143.383.435.662
- Mua trong năm	-	2.628.585.380	2.537.450.000	245.498.700	-	5.411.534.080
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10.854.295.414	-	-	-	-	10.854.295.414
- Thanh lý, nhượng bán	(78.158.718)	-	(159.761.896)	(30.159.145)	-	(268.079.759)
Số dư cuối năm	137.547.410.753	10.356.146.644	8.541.668.621	2.232.029.919	703.929.460	159.381.185.397
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	36.199.704.931	2.739.399.330	1.778.915.914	1.506.920.328	305.310.312	42.530.250.815
- Khấu hao trong năm	4.314.904.726	1.182.598.945	776.104.733	188.001.212	29.256.948	6.490.866.564
- Thanh lý, nhượng bán	(14.329.095)	-	(29.289.678)	(30.159.145)	-	(73.777.918)
Số dư cuối năm	40.500.280.562	3.921.998.275	2.525.730.969	1.664.762.395	334.567.260	48.947.339.461
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	90.571.569.126	4.988.161.934	4.385.064.603	509.770.036	398.619.148	100.853.184.847
Tại ngày cuối năm	97.047.130.191	6.434.148.369	6.015.937.652	567.267.524	369.362.200	110.433.845.936

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

7.242.974.844 đồng;



11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	38.892.426.817	296.000.000	345.006.268	39.533.433.085
Số dư cuối năm	38.892.426.817	296.000.000	345.006.268	39.533.433.085
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5.972.601.803	28.083.338	28.750.521	6.029.435.662
- Khấu hao trong năm	995.057.676	90.333.329	115.002.084	1.200.393.089
Số dư cuối năm	6.967.659.479	118.416.667	143.752.605	7.229.828.751
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	32.919.825.014	267.916.662	316.255.747	33.503.997.423
Tại ngày cuối năm	31.924.767.338	177.583.333	201.253.663	32.303.604.334

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 31.924.767.338 VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	872.849.272	175.757.798
- Chi phí sửa chữa, bảo trì	4.288.575	62.148.483
- Chi phí phần mềm máy tính	15.290.689	8.333.334
- Các khoản khác	284.857.139	276.698.611
	1.177.285.675	522.938.226
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.006.831.416	1.598.367.199
- Chi phí thuê đất	-	239.999.616
- Chi phí phần mềm máy tính	25.100.837	27.583.328
- Chi phí làm phim quảng cáo	295.050.503	448.989.899
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	249.069.419	1.596.262.095
- Các khoản khác	38.961.555	-
	5.615.013.730	3.911.202.137

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	37.774.611.966	37.774.611.966	69.582.956.530	82.685.703.692	24.671.864.804	24.671.864.804
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	450.000.000	450.000.000	-	450.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM - Chi nhánh Nguyễn Trãi	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	19.932.611.966	19.932.611.966	13.321.864.804	19.932.611.966	13.321.864.804	13.321.864.804
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	12.542.000.000	12.542.000.000	-	12.542.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	-	-	19.000.000.000	19.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	1.850.000.000	1.850.000.000	8.500.000.000	1.000.000.000	9.350.000.000	9.350.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch núi Tà Cú	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Chứng Khoán Maybank Kim Eng	-	-	26.761.091.726	26.761.091.726	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	9.889.186.344	9.889.186.344	5.628.727.396	9.889.186.344	5.628.727.396	5.628.727.396
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	198.000.000	198.000.000	539.676.996	198.000.000	539.676.996	539.676.996
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	9.691.186.344	9.691.186.344	5.089.050.400	9.691.186.344	5.089.050.400	5.089.050.400
	47.663.798.310	47.663.798.310	75.211.683.926	92.574.890.036	30.300.592.200	30.300.592.200



	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	62.620.037.757	62.620.037.757	121.219.534.000	91.994.263.758	91.845.307.999	91.845.307.999
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	990.000.000	990.000.000	1.708.385.000	198.000.000	2.500.385.000	2.500.385.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	61.630.037.757	61.630.037.757	8.381.029.000	32.081.203.758	37.929.862.999	37.929.862.999
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	-	-	44.800.000.000	25.800.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	-	-	31.315.060.000	12.000.000.000	19.315.060.000	19.315.060.000
Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre	-	-	8.200.000.000	600.000.000	7.600.000.000	7.600.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Địa Ốc Dũng Anh	-	-	21.315.060.000	21.315.060.000	-	-
Công ty Cổ Phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	-	-	5.500.000.000	-	5.500.000.000	5.500.000.000
	62.620.037.757	62.620.037.757	121.219.534.000	91.994.263.758	91.845.307.999	91.845.307.999
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.889.186.344)	(9.889.186.344)	(5.628.727.396)	(9.889.186.344)	(5.628.727.396)	(5.628.727.396)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	52.730.851.413	52.730.851.413			86.216.580.603	86.216.580.603

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức	31/12/2017	01/01/2017
	VND		đảm bảo	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	VND	9,0%	Tin chấp	-	450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	VND	11,5%	Tin chấp	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	VND	9,3%	Tin chấp	-	12.542.000.000
Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre	VND	9,0%	Tin chấp	9.350.000.000	1.850.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	VND	8,5%	Tin chấp	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM - Chi nhánh Nguyễn Trãi	VND	Điều chỉnh	Tin chấp	-	500.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk [1]	VND	Điều chỉnh	Tài sản	13.321.864.804	19.932.611.966
				24.671.864.804	37.774.611.966

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2017	01/01/2017
					VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	VND	10,5%	2019	Tin chấp	19.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	VND	8,5%	2019	Tin chấp	19.315.060.000	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre	VND	9,0%	2019	Tin chấp	7.600.000.000	-
Công ty Cổ Phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	VND	8,5%	2019	Tin chấp	5.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk [1]	VND	Điều chỉnh	2026	Tài sản	37.929.862.999	61.630.037.757
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh [2]	VND	Điều chỉnh	2022	Tài sản	2.500.385.000	990.000.000
					91.845.307.999	62.620.037.757

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

(5.628.727.396) (9.889.186.344)

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

86.216.580.603 **52.730.851.413**

[1] Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là Cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty cổ phần mía đường Thành Thành Công Tây Ninh phát hành, tỷ lệ đảm bảo 60%;

[2] Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là xe Mercedes-Benz biên kiểm soát 51G-530.80 và xe Toyota biên kiểm soát : 51G-238.77.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc xây dựng Toàn Thịnh Phát	1.629.471.601	1.629.471.601	1.629.471.601	1.629.471.601
- Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	1.013.913.500	1.013.913.500	697.993.000	697.993.000
- Công ty cổ phần Du lịch Thắng Lợi	35.396.289.244	35.396.289.244	5.785.576.223	5.785.576.223
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	2.554.092.574	2.554.092.574	793.373.742	793.373.742
- Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Đặng Gia	-	-	656.039.317	656.039.317
- Công ty cổ phần Điện Gia Lai - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	772.069.000	772.069.000
- Phải trả các đối tượng khác	9.988.140.494	9.988.140.494	3.001.800.326	3.001.800.326
	50.581.907.413	50.581.907.413	13.336.323.209	13.336.323.209
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty cổ phần Đầu tư Kiến trúc xây dựng Toàn Thịnh Phát	1.629.471.601	1.629.471.601	1.629.471.601	1.629.471.601
	1.629.471.601	1.629.471.601	1.629.471.601	1.629.471.601

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Bà Viên Diệu Hoa	-	26.000.000.000
- Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	133.877.230	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	2.146.156.674	2.115.119.113
	2.280.033.904	28.115.119.113

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	130.497.526	12.414.597.989	10.767.491.214	24.005.357	1.801.609.658
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	45.606.061	1.042.128.536	1.044.046.113	-	43.688.484
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.409.885.600	6.708.365.393	5.421.601.707	-	3.696.649.286
- Thuế thu nhập cá nhân	-	238.440.683	1.021.722.712	765.478.574	-	494.684.821
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	139.401.600	139.401.600	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	42.803.562	42.803.562	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	260.900.000	260.900.000	-	-
	-	2.824.429.870	21.629.919.792	18.441.722.770	24.005.357	6.036.632.249

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	109.077.436
- Trích trước chi phí tư vấn	782.849.294	-
- Trích trước chi phí hoa hồng	337.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	251.220.611	10.165.495
	1.371.069.905	119.242.931

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	9.194.660	9.194.660
- Kinh phí công đoàn	335.347.861	148.679.679
- Bảo hiểm y tế	40.961.820	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	18.060.750	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.770.000.000	34.112.598
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.132.524.541	8.132.524.541
- Các khoản phải trả phải nộp khác	19.819.039.987	32.662.340.920
<i>Phải trả Công ty TNHH Vinagolf Đà Lạt tiền chi hộ</i>	<i>229.020.412</i>	<i>5.654.020.412</i>
<i>Phải trả Công ty TNHH Vinagolf Đà Lạt giá trị còn lại tài sản bàn giao từ công ty con 100% vốn cho công ty mẹ</i>	<i>11.690.384.304</i>	<i>11.690.384.304</i>
<i>Phải trả Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam tiền chi hộ</i>	<i>2.574.765.774</i>	<i>4.671.130.250</i>
<i>Phải trả tiền mua phần vốn đầu tư Chè Bảo Ngọc cho Công ty cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng</i>	<i>-</i>	<i>6.900.280.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi</i>	<i>20.130.000</i>	<i>1.152.560.537</i>
<i>Khách lẻ mua vé máy bay</i>	<i>1.138.727.943</i>	<i>740.723.278</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>4.166.011.554</i>	<i>1.853.242.139</i>
	31.125.129.619	40.986.852.398
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	917.770.000	917.770.000
	917.770.000	917.770.000

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước hoạt động tour	-	92.963.638
- Doanh thu nhận trước hoạt động phòng nghỉ khách sạn	1.496.286.786	291.100.000
	1.496.286.786	384.063.638

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	130.000.000.000	910.000.000	6.719.655.738	(184.899.106)	137.444.756.632
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.605.225.190	7.605.225.190
Số dư cuối năm trước	130.000.000.000	910.000.000	6.719.655.738	7.420.326.084	145.049.981.822
Số dư đầu năm nay	130.000.000.000	910.000.000	6.719.655.738	7.420.326.084	145.049.981.822
Tăng vốn trong năm nay ^[1]	622.050.000.000	-	-	-	622.050.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.302.657.444	6.302.657.444
Chi phí phát hành tăng vốn	-	(161.363.636)	-	-	(161.363.636)
Số dư cuối năm nay	752.050.000.000	748.636.364	6.719.655.738	13.722.983.528	773.241.275.630

[1] Thực hiện Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐQT ngày 20/07/2016, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nguồn vốn bổ sung đã được sử dụng để Công ty đầu tư vào các Công ty có tiềm năng phát triển cùng ngành du lịch để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng quy mô và mở rộng thương hiệu của Công ty trên thị trường du lịch. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành tăng vốn: 62.205.000 cổ phiếu, tương ứng 622.050.000.000 đồng vốn điều lệ;
- Hình thức phát hành: chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:4,785;
- Ngày đăng ký giao dịch thành công: 03/04/2017.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	244.274.250.000	32,48%	51.051.000.000	39,27%
Ông Huỳnh Văn Thành	37.095.570.000	4,93%	-	0,00%
Ông Tiền Vĩ Diệp	28.030.400.000	3,73%	-	0,00%
Cổ đông khác	442.649.780.000	58,86%	78.949.000.000	60,73%
	752.050.000.000	100%	130.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	130.000.000.000	130.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	622.050.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	752.050.000.000	130.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.205.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	75.205.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.205.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	75.205.000	13.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	6.719.655.738	6.719.655.738
- Thặng dư vốn cổ phần	748.636.364	910.000.000
	7.468.292.102	7.629.655.738

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2017	01/01/2017
- Đô la Mỹ	USD	11.145,8	1.200,00

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Huỳnh Bá Phụng	235.000.559	235.000.559
- Ngô Đình Long	207.057.168	207.057.168
- Nhà Máy Điện Hậu Giang	89.430.165	89.430.165
- Trần Ngọc Nam	86.575.232	86.575.232
- Các đối tượng khác	718.708.212	648.525.212
	1.336.771.336	1.266.588.336

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	484.390.500	663.218.698
Doanh thu cung cấp dịch vụ	307.254.395.927	121.049.956.493
Doanh thu kinh doanh bất động sản	31.545.018.182	-
	339.283.804.609	121.713.175.191

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	484.038.500	471.229.642
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	231.709.265.407	102.615.394.911
Giá vốn kinh doanh bất động sản	50.626.000.000	-
	<u>282.819.303.907</u>	<u>103.086.624.553</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	347.517.130	44.324.002
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.564.000.000	-
Lãi bán các khoản đầu tư	10.954.828.744	19.795.900.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.924.185	255.798
Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	778.577.003
Doanh thu hoạt động tài chính khác	194.320	22.187.592
	<u>20.880.464.379</u>	<u>20.641.244.395</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.761.382.648	7.643.181.958
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.187.440	8.421.731
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18.098.041	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	438.109.069	119.810.270
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư đã thanh lý	-	(2.669.712.239)
Chi phí tài chính khác	-	55.066.879
	<u>11.236.777.198</u>	<u>5.156.768.599</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	174.976.587	18.684.437
Chi phí nhân công	12.450.877.746	4.311.966.236
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205.289.899	45.269.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.413.503.268	1.419.159.128
Chi phí khác bằng tiền	1.926.421.785	904.698.519
	<u>18.171.069.285</u>	<u>6.699.778.191</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	527.342.608	1.247.448.823
Chi phí nhân công	18.472.727.728	9.438.606.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.655.518.169	1.507.746.782
Chi phí dự phòng	68.479.428	-
Thuế, phí, và lệ phí	70.863.562	201.776.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.885.450.683	1.419.752.693
Chi phí khác bằng tiền	4.770.363.072	4.625.747.072
	30.450.745.250	18.441.078.770

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	308.018.304	199.722.306
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	336.331.968	5.188.282.005
Tiền phạt thu được từ bồi thường	-	305.241.277
Xử lý công nợ không phải trả Công ty Quảng Nam	-	1.650.000.000
Thu nhập khác	127.532.559	170.653.531
	771.882.831	7.513.899.119

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý nhượng bán công cụ dụng cụ	748.904.858	5.163.561.918
Chi tiền làm từ thiện	15.000.000	300.000.000
Chi phí các hợp đồng không thực hiện do khách hàng hủy	-	273.749.390
Phạt chấm dứt hợp đồng	3.600.000.000	-
Các khoản bị phạt thuế, phạt hành chính	353.204.148	-
Gia hạn dự án Golf	-	395.486.000
Chi phí khác	765.035.616	178.931.837
	5.482.144.622	6.311.729.145

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	31.857.093.375	10.172.339.447
Các khoản điều chỉnh tăng	1.032.764.149	2.663.231.837
- Chi phí không hợp lệ	1.032.764.149	2.663.231.837
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.564.000.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.564.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	23.325.857.524	12.835.571.284
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.665.171.505	2.567.114.257
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	234.911.280	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.409.885.600	(157.228.657)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.565.118.652)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	3.744.849.733	2.409.885.600
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	(19.080.981.818)	-
Các khoản điều chỉnh tăng	28.363.397.093	-
- Chi phí không hợp lệ	28.363.397.093	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.282.415.275	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.856.483.055	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	(1.856.483.055)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	-	-
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.521.654.560	2.567.114.257
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	3.744.849.733	2.409.885.600

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.978.220.354	1.548.631.426
Chi phí nhân công	18.678.017.627	13.750.573.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.691.259.653	5.618.819.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.751.695.276	96.549.418.279
Chi phí khác bằng tiền	54.857.887.032	10.288.809.854
	330.957.079.942	127.756.251.872

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.973.596.798	-	5.718.660.357	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	72.817.870.524	(68.479.428)	39.311.140.456	(70.183.000)
Đầu tư ngắn hạn	13.923.704.222	(1.008.920.250)	50.626.000.000	-
	94.715.171.544	(1.077.399.678)	95.655.800.813	(70.183.000)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
Nợ phải trả tài chính	VND	VND
Vay và nợ	116.517.172.803	100.394.649.723
Phải trả người bán, phải trả khác	82.624.807.032	55.240.945.607
Chi phí phải trả	1.371.069.905	119.242.931
	200.513.049.740	155.754.838.261

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư ngắn hạn	12.914.783.972	-	-	12.914.783.972
	12.914.783.972	-	-	12.914.783.972

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.973.596.798	-	-	7.973.596.798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	72.714.391.096	35.000.000	-	72.749.391.096
	80.687.987.894	35.000.000	-	80.722.987.894
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.718.660.357	-	-	5.718.660.357
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.928.380.656	4.312.576.800	-	39.240.957.456
	40.647.041.013	4.312.576.800	-	44.959.617.813

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	30.300.592.200	86.216.580.603	-	116.517.172.803
Phải trả người bán, phải trả khác	81.707.037.032	917.770.000	-	82.624.807.032
Chi phí phải trả	1.371.069.905	-	-	1.371.069.905
	113.378.699.137	87.134.350.603	-	200.513.049.740
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	47.663.798.310	52.730.851.413	-	100.394.649.723
Phải trả người bán, phải trả khác	54.323.175.607	917.770.000	-	55.240.945.607
Chi phí phải trả	119.242.931	-	-	119.242.931
	102.106.216.848	53.648.621.413	-	155.754.838.261

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	190.802.490.530	90.662.656.039
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	174.679.967.450	97.048.759.758

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2017, Công ty đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi theo hình thức hoán đổi cổ phiếu. Hoạt động sáp nhập dự kiến sẽ diễn ra vào Quý II/2018.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018.

Người lập biểu

Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng

Bùi Tấn Khải

Tổng Giám đốc



Phan Thị Hồng Vân